

SỞ Y TẾ TP HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CHƯƠNG MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 176...../BVCM-KD
V/v mời báo giá nhà thuốc bệnh viện

Chương Mỹ, ngày 19 tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI

Về việc cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ nhà thuốc bệnh viện

Hiện nay, Nhà thuốc bệnh viện đang tiến hành xây dựng danh mục vật tư, trang thiết bị bán tại Nhà thuốc bệnh viện, tiến tới triển khai lựa chọn theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội “Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên cơ sở y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì cơ sở y tế được tự quyết định mua sắm trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế” và các qui định khác có liên quan.

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện kính mời các đơn vị có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo danh mục và biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Nhà thuốc bệnh viện đa khoa Chương Mỹ

Địa chỉ: 120 Tổ dân phố Hòa Sơn – Phường Chương Mỹ - Hà Nội

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 25/1/2026.

Mọi thắc mắc xin liên hệ Ds. Lê Thị Hằng, SĐT: 0988121714

Rất mong sự hợp tác của quý công ty

Xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT+KD.



Trần Xuân Khuyến

TÊN DOANH NGHIỆP

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Di động:

Email:

**HỒ SƠ CUNG ỨNG VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ
CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA CHƯƠNG MỸ**

1. Tên sản phẩm số 1
2. Tên sản phẩm số 2
3. Tên sản phẩm số 3

...

...../...../.....

DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Tên giấy tờ	Yêu cầu có	Trang
Hồ sơ pháp lý công ty			
1	Giấy phép đăng ký kinh doanh	x	
2	Bản công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế đối với cơ sở mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	x	
Hồ sơ sản phẩm 1			
1	Số lưu hành trang thiết bị y tế là: + Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với loại A, B; + Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với loại C, D.	x	
2	Báo giá có dấu đỏ, ký giám đốc	x	
3	- Quyết định trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 12 tháng hoặc Tối thiểu 02 Hóa đơn bán hàng có giá sau VAT của doanh nghiệp cho các cơ sở y tế khác	x	
4	- Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành.	x	
5	- Mẫu nhãn của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng.	x	
6	- Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành (nếu có).	x	
Hồ sơ sản phẩm 2			
			

Mẫu cam kết về chất lượng hàng hóa, giá, cung ứng

Công ty.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

....., ngày tháng ... năm

BẢN CAM KẾT

Kính gửi : Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ

Tên doanh nghiệp :.....

Địa chỉ:

Số Điện thoại.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1. Hồ sơ

1.1. Hồ sơ pháp lý của công ty

- Giấy phép đăng ký kinh doanh.
- Bản công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế đối với cơ sở mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (nếu có).

1.2. Hồ sơ sản phẩm

- Số lưu hành trang thiết bị y tế
- Quyết định trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 12 tháng hoặc Tối thiểu 02 Hóa đơn bán hàng có giá sau VAT của doanh nghiệp cho các cơ sở y tế khác
- Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành.
- Báo giá
- Mẫu nhãn của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng.

- Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành (nếu có).

2. Chất lượng hàng hoá

Công ty đảm bảo sản phẩm do chúng tôi phân phối:

- Chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Hạn dùng đúng và do nhà sản xuất ghi trên bao bì, vỉ, lọ, tuýp... không tẩy xoá, in lại.
- Thực hiện việc thu hồi và bảo hành sản phẩm (nếu có) theo đúng quy định.

3. Giá vật tư trang thiết bị y tế

- Công ty cam kết giá trang thiết bị y tế do chúng tôi cung cấp cho Nhà thuốc bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và không cao hơn giá đã kê khai công bố trên website của Bộ Y tế.
- Cam kết cập nhật kịp thời nếu có sự thay đổi giá trang thiết bị y tế đã kê khai.

4. Cung ứng

- Sản phẩm đã cung ứng cho nhà thuốc bệnh viện mà có hạn dùng còn lại dưới 06 tháng, chúng tôi cam kết đổi lại sản phẩm có hạn dùng còn lại trên 12 tháng.
- Chúng tôi cam kết sản phẩm cung ứng cho nhà thuốc Bệnh viện trong vòng 60 ngày mà không bán được, chúng tôi xin mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của Nhà thuốc bệnh viện.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Bảng báo giá

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng....năm.....

BẢNG BÁO GIÁ

STT	Tên vật tư tiêu hao, trang thiết bị	Tên thương mại	Phân loại TTBYT	Số ĐK/GPNK	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm VAT)

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC KÈM THƯ MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo thư mời báo giá ngày.....của Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ)

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
1	Nước Muối sinh lý natri clorid 0,9%	Nước cất 2 lần vừa đủ 100%, Natri Clorid (NaCl) 0.9%. Đóng chai 500ml	Chai
2	Aikido gel cool	Hydrogel, menthol	Miếng
3	Áo cột sống orbe cỡ S,M,L	- Vải cotton, Vải không dệt, Vải có lỗ thoáng khí. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm	Chiếc
4	Áo vùng lưng H1 cỡ S,M,L	- Vải cotton, Vải không dệt, Vải có lỗ thoáng khí. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm	Cái
5	Băng cố định khớp vai H1 các cỡ	- Vải cotton, Vải không dệt, Vải có lỗ thoáng khí. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm	Cái
6	Băng keo cá nhân URGO Kichigo	Nền: Sợi vải đàn hồi Viscose và polyamide, màu da. - Keo Oxide kẽm - Lực dính: 2.2 - 9.4 N/cm - Lớp chống dính Polyethylene. - Rộng 20mm x Dài 60mm (±1.5mm)	Cái
7	Băng thun gối H1	- Neoprene tự dính. - Băng nhám dính (Khóa Velcro	Cái
8	Băng thun Y tế hai móc	Chất liệu cotton hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt, co giãn tốt, có độ bền cao, không gây khó chịu cho vết thương	Cuộn
9	Bơm tiêm 10 ml	Bơm tiêm tối thiểu nhựa liền kim, dung tích 10ml, cỡ kim 25G x 1"; 23G x 1", đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Piston có khóa bẻ gãy để dễ hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái
10	Bơm tiêm 5 ml	Bơm tiêm tối thiểu nhựa liền kim, dung tích 5ml, cỡ kim 25G x 1"; 25G x 5/8"; 23G x 1", đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Piston có khóa bẻ gãy để dễ hủy sau khi sử dụng. Khử trùng bằng khí EO. Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái
11	Bơm tiêm Omnican N100	Kim siêu mỏng, sắc nét và được bôi trơn đặc biệt. Các dòng chia độ in đậm dễ đọc. Thiết kế chất lượng cho liều lượng chính xác, tránh lãng phí insulin	Cái
12	Bông y tế 10 gr	100% bông xơ tự nhiên	Gói
13	COXILAX	Natri phosphate monobasic dehydrat, dinatri phosphate dodecahydrate....	Chai
14	Khẩu trang y tế	Thành phần cấu tạo 4 lớp. Thanh nẹp mũi làm bằng kẽm hoặc nhựa, Dây thun đeo tai, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc
15	Kim CB 23G	Khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. Chất liệu làm thân kim bằng inox không gỉ độ cứng cơ khí cao. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc
16	KIM CB 25G viva	Khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. Chất liệu làm thân kim bằng inox không gỉ độ cứng cơ khí cao. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
17	Nẹp chống xoay dài H2	Nẹp chống xoay dài cho các trường hợp cần giữ thẳng chân, chống co đầu gối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc
18	Nẹp chống xoay ngắn H1	Nẹp chống xoay ngắn. Cố định, ổn định khớp cổ chân sau chấn thương, sau mổ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc
19	Nẹp cổ cứng H1	Làm từ chất liệu mềm, nhẹ. Gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi băng nhám dính, sản phẩm có những lỗ nhỏ giúp thoáng khí khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn tối thiểu ISO 13485 :2016	Cái
20	Nẹp gối H3	- Vải cotton, Vải không dệt, Vải có lỗ thoáng khí, Vải tricot.. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm	Cái
21	Nhiệt kế Aurora	Thủy tinh, inox, thủy ngân..	Cái
22	Rơ lưỡi Đông Fa	100% vải cotton	Cái
23	SUPORAN	H2O, NaCl, HClO, H2O2	Chai
24	Túi treo tay H1	Làm từ vải thoáng khí, khóa nhựa	Cái
25	Kenko spray	Natri clorid 0,5%, Nano bạc, acid boric, Natri benzoat	Chai
26	Thanh nẹp bóng chày	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm	Cái
27	Test nhanh phát hiện kháng nguyên dengue NS1	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1	Test
28	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus Rota	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên Rota - Mẫu phẩm: Mẫu Phân - Độ nhạy : 99,71%, - Độ đặc hiệu : 99,86% Thành phần Kit thử: - Kháng thể đơn dòng 2 kháng Rotavirus (Rotavirus monoclonal antibody-2): 10 µg/ml - Kháng thể đơn dòng 1 kháng Rotavirus (Rotavirus monoclonal antibody-1): 1,15 mg/ml - Kháng thể đa dòng kháng IgG Chuột (Anti Mouse IgG Polyclonal antibody): 1,15 mg/ml	Test
29	Test nhanh chuẩn đoán cúm (Influenza virus A,B)	Test nhanh chuẩn đoán cúm	Test
30	Test thử đường huyết (CodeFree TM Blood Glucose)	Test nhanh chuẩn đoán Đường huyết	Test
31	Que thử/Khay thử xét nghiệm HCG	Thành phần cấu tạo - Test thử : Kháng thể đơn dòng kháng hCG-α, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-β, Kháng thể đề kháng IgG chuột, HAcCl4, Na2HPO4, NaH2PO4, Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, NaCO3.	Test

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
32	Test nhanh RSV	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút hợp bào hô hấp (RSV) trong mẫu dịch mũi, dịch tỵ hầu và dịch hầu họng của người . Ngưỡng phát hiện(LoD): $\leq 1,6 \times 10^2$ TCID₅₀/mL Hiệu quả chẩn đoán đối với mẫu dịch tỵ hầu: - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: 100%. - Độ chính xác tương quan: 100%. Không phản ứng chéo với: Virus Á cúm tuyp 1, 2, 3 và 4, Virus Sars-CoV-2, Virus Corona-NL63, MERS-coronavirus, Mycoplasma pneumoniae, Pneumocystis jirovecii-S.cereivisiae và Chlamydia trachomatis....	Test
33	Test nhanh EV71	Test nhanh chẩn đoán tay chân miệng EV71	Test
34	Test nhanh HCV	Test nhanh chẩn đoán HCV	Test
35	Test nhanh HAV	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A (HAV)	Test
36	Test Combo(Adeno.virus,Rota virus)	Định tính kháng nguyên Rotavirus và Adenovirus - Mẫu phẩm: Mẫu phân của người - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, 1) Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota với hạt vàng (cộng hợp kháng vi rút Rota) và cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Adeno với hạt vàng (cộng hợp kháng virút Adeno). 2) một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch R và vạch A) và một vạch chứng (vạch C). Vạch R phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Rota, vạch A phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Adeno và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể để kiểm chứng. Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 97.2% Độ chính xác tương quan: 98.1% Không phản ứng chéo với: Thương hàn, virus rota, virus adeno, bệnh tả, thương hàn....	Test
37	Test nhanh kháng nguyên virus Sars-CoV-2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người.	Test
38	Nẹp DCP bán nhỏ các cỡ, vít 3.5mm	- Nẹp dày 2.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; dài từ 54mm-150mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
39	Nẹp DCP bán hẹp các cỡ, vít 4.5/6.5mm	- Nẹp dày 4.0mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm và 12,5mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 2 đến 16 lỗ; dài từ 39mm-263mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
40	Nẹp DCP bán rộng các cỡ, vít 4.5/6.5mm	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 18 lỗ; dài từ 71mm-295mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
41	Nẹp lòng máng các cỡ, vít 3.5mm	- Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm. - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; dài từ 54 đến 150mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
42	Nẹp mắt xích thẳng(tái tạo) các cỡ, vít 3.5mm	- Nẹp dày 2.2mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp: 10.5mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; dài từ 48mm-144mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
43	Nẹp xương đòn các cỡ, trái, phải, vít 3.5	- Nẹp dày 3.0mm; rộng 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 14mm và 11mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 6,7,8;9 lỗ trái/ phải; tương ứng với chiều dài từ 70-112mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
44	Nẹp chữ T các cỡ, vít 4.5/6.5mm	- Nẹp dày 2.5mm; đầu nẹp rộng 38.3mm và thân nẹp rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp 16.0mm; - Có 6 cỡ từ 3 đến 8 lỗ; dài từ 63.5mm đến 143.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
45	Nẹp chữ L các cỡ trái, phải vít 4.5/6.5mm	- Nẹp dày 2.5mm; rộng 38.7mm và 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp 16.0mm; - Có 6 cỡ từ 3-> 8 lỗ; dài từ 65.1mm đến 145.1mm, có phân biệt trái, phải. - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
46	Nẹp chữ T nhỏ các cỡ, căng tay vít 3.5mm	- Nẹp dày 1.8mm; thân nẹp rộng:10.7mm và đầu nẹp rộng 24.7mm, khoảng cách lỗ 12mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 đến 6 lỗ; tương ứng độ dài từ 49/61/73/85mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
47	Nẹp đầu trên xương chày mặt ngoài các cỡ trái, phải vít 4.5mm	- Đầu nẹp dày 3.2mm và thân nẹp dày 4mm; thân nẹp rộng 16.2mm và đầu nẹp rộng 22.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm; - Có 5 cỡ từ 5 - 13 lỗ trái/ phải; dài từ 143.3-303.3mm - Đầu nẹp có 6 lỗ bắt vít - Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
48	Nẹp ổ lồi cầu trái, phải các cỡ, vít 4.5/6.5mm	* Chất liệu Titanium Alloy * Có 5-7-9-11-13 lỗ trái/phải * Có 6 lỗ bắt vít ở đầu * Độ dài 143,3mm - 183,3mm- 223,3mm- 263,3mm- 303,3mm * Độ rộng đuôi 16,2mm, rộng đầu 22,5mm, dày đuôi 4mm, dày đầu 3,2mm, khoảng cách lỗ 20mm * Dùng cho vít khóa 5,0mm và vít cứng 4,5mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái
49	Nẹp DHS 1350 các cỡ	- Nẹp dày 6mm; rộng 19mm; khoảng cách lỗ nẹp 16mm - Có 11 cỡ từ 2->12 lỗ, dài từ 91.4- 251.4mm. - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	DVT
50	Vít DHS/DCS các cỡ	Đường kính ren 12.5mm - Có 13 cỡ, chiều dài từ 50mm đến 110mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
51	Vít nén DHS/DCS	chiều dài 28mm; - đường kính đầu vít 10mm; đường kính bắt vít 3.5mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
52	Vít xương cứng $\Phi 3.5$ mm các cỡ	- đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25mm, mũ tô vít 2.5mm; - chiều dài từ 10-60mm; mỗi cỡ tăng 2mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
53	Vít xương cứng $\Phi 4.5$ mm các cỡ	- đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 14mm-60mm; tăng 5mm từ 60mm-70mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
54	Vít xương xóp các loại, các cỡ $\Phi 4.0$ mm	đường kính ren 4.0mm; ren ngắn 1/3, đường kính mũ vít 5.9mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 20mm đến 30mm; tăng 5mm từ 30mm đến 60mm; - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
55	Vít xương xóp các cỡ $\Phi 4.5$ mm	- đường kính ren 4.5mm; ren ngắn, đường kính mũ vít 7.9mm; - chiều dài từ 25-70mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
56	Vít xương xóp $\Phi 6.5$ mm, ren 32mm các cỡ	Đường kính ren 6.5mm; ren 32mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - chiều dài từ 50-105mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
57	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	- đường kính từ 0.5mm-5.0mm - hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
58	Chỉ thép các cỡ	- đường kính từ 0.4mm-1.5mm; 2 cuộn/1 túi; mỗi cuộn dài 5m; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
59	Mũi khoan xương các cỡ	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm tối thiểu bằng thép không gỉ	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
60	Đinh nội tủy xương đùi có chốt ngang các cỡ	1. Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi ngắn: * Chất liệu titanium. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE * Đường kính từ 9mm-14mm nhảy bậc 1mm * Có 3 độ dài: 180mm-200mm-240mm * Dùng cho vít khóa 4.5mm 2. Vít chốt cổ xương đùi ngắn: * Chất liệu Titanium, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE * Chiều dài: Từ 75mm - 120mm nhảy bậc 5mm * Đường kính thân vít: 10,4mm 3. Vít khóa đinh 4,5/5,0: * Chất liệu Titanium, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE * Chiều dài: Từ 20mm - 75mm nhảy bậc 5mm * Đường kính thân vít: 4,5mm * Đường kính mũ vít: 7,0mm * Đường kính lõi vít: 3,5mm * Bước ren thân vít: 1,25mm * Sử dụng đầu tô vít lục giác 3,5mm 4. Vít nắp đinh xương đùi ngắn: * Chất liệu titanium. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE * Chiều dài 26mm và 40mm	bộ
61	Đinh nội tủy xương chày có chốt ngang các cỡ	1. Đinh nội tủy rỗng nông xương chày * Chất liệu titanium. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE * Đường kính từ 8mm-11mm nhảy bậc 1mm * Chiều dài từ 270mm-420mm nhảy bậc 15mm 2. Vít khóa đinh nội tủy 4,5/5,0: * Chất liệu Titanium, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE * Chiều dài: Từ 20mm - 75mm nhảy bậc 5mm * Đường kính thân vít: 4,5mm * Đường kính mũ vít: 7,0mm * Đường kính lõi vít: 3,5mm * Bước ren thân vít: 1,25mm * Sử dụng đầu tô vít lục giác 3,5mm 3. Vít nắp đinh xương chày: * Chất liệu titanium * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái
62	Vít khóa ngang đinh nội tủy xương đùi, xương chày Ø4.5mm các cỡ	* Chất liệu Titanium Alloy, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE * Chiều dài: Từ 20mm - 75mm nhảy bậc 5mm * Đường kính thân vít: 4,5mm * Đường kính mũ vít: 7,0mm * Đường kính lõi vít: 3,5mm * Bước ren thân vít: 1,25mm * Sử dụng đầu tô vít lục giác 3,5mm	cái
63	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Nẹp dày 3.0mm; đầu nẹp rộng 20.6mm và thân nẹp rộng 12.3mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; Có 6 cỡ từ 3 - 8 lỗ; chiều dài từ 61.1-121,1mm. Đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít Dùng vít khóa đk 3.5mm Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
64	Nẹp khóa chữ Y đầu dưới xương cánh tay trái các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Nẹp dày 3mm; thân nẹp rộng 12mm và đầu nẹp rộng 56.4mm; khoảng cách lỗ nẹp 15mm; Có 6 cỡ từ 3 đến 8 lỗ trái / phải; chiều dài từ 91.4-166.4mm Đầu nẹp có 6 lỗ bắt vít Dùng vít khóa đk 3.5mm Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái

TT	Tên vật tu, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	DVT
65	Nẹp khóa chữ T nhỏ các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm.	Nẹp 4 lỗ đầu: nẹp dày 1.8mm; đầu nẹp rộng 33mm và thân nẹp rộng 11.2mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; Có 4 cỡ từ 3-> 6 lỗ; chiều dài từ 46mm đến 80mm Dùng vít khóa đk 3.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
66	Nẹp khóa bản nhỏ các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	Nẹp dày 3mm; rộng 10.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 14mm; - Có 9 cỡ từ 4-12 lỗ; dài từ 58-170mm Dùng vít khóa đk 3.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
67	Nẹp khóa mắt xích (tái tạo)các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	rộng 10mm; dày 3mm; Số lỗ trên thân nẹp từ 4 đến 12 lỗ, 14, 16 lỗ; dài từ 58mm đến 226mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm và vít khóa xoắn Ø 3.5mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
68	Nẹp khóa xương đòn trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm.	Nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm; khoảng cách lỗ 14mm và 11mm - Có 4 cỡ từ 6 -> 9 lỗ trái/ phải; dài từ 70->112mm Dùng vít khóa đk 3.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
69	Nẹp khóa móc xương đòn (SS) trái các cỡ trái/phải, dùng vít khóa 3.5mm	- Nẹp dày 3.0mm; rộng 15.8mm và 9.8mm; khoảng cách lỗ 11.7mm - Có 4 cỡ từ 4- 7 lỗ trái / phải; dài từ 63mm đến 97mm Dùng vít khóa đk 3.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
70	Nẹp khóa đầu dưới xương quay cổ tay trái / phải các cỡ, dùng vít khóa 2.7 và 3.5mm	Nẹp dày 2.0mm; đầu nẹp rộng 25.6mm và thân nẹp rộng 9.1mm; khoảng cách lỗ nẹp 8mm Có 5 cỡ từ 3 - 7 lỗ trái / phải; chiều dài từ 54-86mm Dùng vít khóa đk 2.7/3.5mm Đầu nẹp có 8 lỗ bắt vít Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
71	Nẹp khóa xương gót (mắt cá) trái, phải các cỡ dùng vít khóa 3.5mm	Nẹp dày 1.5mm, rộng: 14,9mm-41,7mm, dài: 45,7mm-65,6mm, có phân biệt trái, phải Từ số 1 - số 5 Dùng vít đk 3.5/4.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
72	Nẹp khóa đầu trên xương đùi số 1 trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm.	* Chất liệu Titanium Alloy * Có 3-5-7-9-11-13 lỗ trái/phải * Có 5 lỗ bắt vít ở đầu * Độ dài 91mm- 126,8mm- 162,8mm- 198,8mm- 234,8mm- 270,8mm * Đuôi rộng 16mm, đầu rộng 25,7mm, dày đuôi 5mm, dày đầu 3,2mm, khoảng cách lỗ 18mm * Dùng cho vít khóa 5,0mm, vít cứng 4,5mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
73	Nẹp khóa đầu trên xương đùi số 2 trái, phải các cỡ , dùng vít khóa 5.0 và rỗng nòng 7.3 mm.	* Chất liệu Titanium Alloy * Có 2-4-6-8-10 lỗ trái/phải * Có 4 lỗ bắt vít ở đầu * Độ dài 119mm- 159mm- 195mm- 231mm- 267mm * Đuôi rộng 17,5mm, đầu rộng 21mm, dày đuôi 5mm, dày đầu 3mm, khoảng cách lỗ 18mm * Dùng cho vít khóa 5,0mm, vít khóa 7,3mm và vít cứng 4,5mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái
74	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ , dùng vít khóa 5.0mm.	- Dày 5,0mm; rộng 16,0mm - Có 4/6/8/10/12/14 lỗ trái, phải - Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE - Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	cái
75	Nẹp khóa bản rộng các cỡ dùng vít khóa 5.0mm	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Có 10 cỡ, từ 5 - 14 lỗ; dài từ 87-231mm - Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
76	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0	- Đầu nẹp dày 3.2mm và thân nẹp dày 4mm; thân nẹp rộng 16.2mm và đầu nẹp rộng 22.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm; - Có 5 cỡ từ 5 - 13 lỗ trái/ phải; dài từ 143.3-303.3mm - Đầu nẹp có 6 lỗ bắt vít - Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
77	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	- Đầu nẹp dày 2.2mm và thân nẹp dày 3.0mm; thân nẹp rộng 11.5mm và đầu nẹp rộng 22.4mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Có 5 cỡ từ 6-14 lỗ trái/ phải; dài từ 137.9-233.9mm - Đầu nẹp có 9 lỗ - Dùng vít khóa đk 3.5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
78	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt ngoài trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm	* Chất liệu Titanium Alloy * Có 5-7-9-11-13-15 lỗ trái/phải * Có 4 lỗ bắt vít ở đầu * Độ dài 108,3mm- 140,3mm- 172,3mm- 204,3mm- 236,3mm- 268,3mm * Rộng đuôi 16mm, rộng đầu 22mm, dày 2,5mm, khoảng cách lỗ 16mm * Dùng cho vít khóa 5,0mm, vít cứng 5,0mm và vít cứng 4,5mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái
79	Nẹp khóa bản hẹp(thân xương chày) các cỡ, dùng vít 5.0mm	- Nẹp dày 4.0mm; rộng 13.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Có 10 cỡ từ 5-14 lỗ; dài từ 110.6-272.6mm - Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
80	Nẹp khóa nén ép chữ L trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm	- Nẹp dày 2.50mm; đầu nẹp rộng 38.7mm và thân nẹp rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 16mm; - Có 6 cỡ từ 3-8 lỗ trái/ phải; dài từ 65.1-145.1mm - Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	DVT
81	Nẹp khóa chữ T các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm	Nẹp dày 2.5mm; thân nẹp rộng 16mm và đầu nẹp rộng 38.35mm; khoảng cách lỗ 16mm. - Có 5 cỡ từ 4- 8 lỗ; dài từ 81.7-145.7mm Dùng vít đk 4.5/5.0mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
82	Vít khóa tự taro, đường kính 2.7x6mm đến 40mm	Kiểu vít tự taro - Vít 2.7mm: Đường kính ren 2.7mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm; có 18 cỡ, chiều dài từ 6mm đến 40mm; mỗi cỡ tăng 2mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ.	cái
83	Vít khóa tự taro đường kính 3.5mm, dài từ 10 đến 60 mm	Kiểu vít tự taro Đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm Có 23 cỡ chiều dài từ 10mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 60mm; mỗi cỡ tăng 5mm Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
84	Vít khóa tự taro đường kính 5.0mm, dài từ 14 đến 90 mm	Kiểu vít tự taro; - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm; - Có 27 cỡ, chiều dài từ 14mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
85	Vít khóa xoắn tự taro đường kính 3.5mm, dài từ 10 đến 60 mm	kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm - chiều dài từ 10mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 60mm , mỗi cỡ tăng 5mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ,	cái
86	Vít khóa xoắn tự taro đường kính 5.0mm, dài từ 35 đến 110 mm	Kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm - chiều dài từ 35mm đến 110mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
87	Vít khóa xoắn rộng nòng, đường kính 7.3mm dài từ 50 đến 120 mm	Ren toàn phần - đường kính ren 7.3mm; đường kính mũ vít lục giác 9.7mm - chiều dài từ 50mm đến 120mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ	cái
88	Nẹp khóa lồng máng các cỡ	rộng 9.4mm; dày 2.7mm; Số lỗ trên thân nẹp từ 4 đến 14 lỗ; dài từ 52mm đến 172mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
89	Nẹp khóa xương đòn, trái/phải các cỡ, titan	rộng 10.5mm; dày 3.2mm; Số lỗ trên thân nẹp: 6 đến 8 lỗ trái, phải; dài từ 88.5mm đến 136.5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
90	Nẹp khóa móc xương đòn trái/phải, các cỡ, titan	rộng 11mm; dày 3.2mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4 đến 7 lỗ trái, phải; dài từ 61.8mm đến 104,4mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
91	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, các cỡ, titan	rộng 11,8mm; dày 3.3mm; Số lỗ trên thân nẹp: 3, 5, 7, 9, 11, 12 lỗ và 14 lỗ; dài từ 100mm đến 276mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
92	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay trái/phải, các cỡ, titan	rộng 10mm; dày 2.75mm; Số lỗ trên thân nẹp từ 3 đến 8 lỗ trái, phải; dài từ 71mm đến 123mm; lỗ vít đa hướng 2.7mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 2.7mm, Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
93	Nẹp khóa đầu trên xương quay trái/phải, các cỡ, titan	Rộng 8.75mm; dày 1.75mm; chỉ định dùng cho các trường hợp gãy xương đầu trên xương cánh tay và vết thương nhiều mảnh vỡ xương cổ xương trụ. - Số lỗ: 3,4,5,6 dài 48,5/56/65,5/75mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 2.4 mm + Vít cứng Ø 2.4 mm	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	DVT
94	Nẹp khóa bản nhỏ, các cỡ, titan	rộng 10mm; dày 3mm; Số lỗ trên thân nẹp từ 4 đến 12, 14 lỗ; dài từ 60mm đến 190mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xóp Ø 3.5mm và vít xóp Ø 4.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
95	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ, titan trái / phải	rộng 8mm; dày 2mm; Số lỗ trên thân nẹp từ 3 đến 10 lỗ trái, phải; dài từ 49mm đến 91mm; lỗ vít đa hướng; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 2.4mm; 2.7mm; Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
96	Nẹp khóa mắt xích, các cỡ, titan	* Chất liệu Titanium Alloy Alloy * Có 4-5- 6-7-8-9-10-11-12 lỗ * Độ dài 48mm - 60mm- 72mm- 84mm- 96mm- 108mm- 120mm- 132mm- 144mm * Độ rộng 10mm, dày 3mm, khoảng cách lỗ 12mm * Dùng cho vít khóa 3,5mm, vít cứng 3,5/4,0mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái
97	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái/phải, các cỡ, titan	rộng 18.6mm; dày 5.6mm; 6 lỗ đầu nẹp; Số lỗ trên thân nẹp từ 4 lỗ đến 13,15 lỗ trái phải; chiều dài nẹp từ 139mm đến 337mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm và vít khóa xóp Ø5.0 mm; vít khóa rỗng lòng Ø5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
98	Nẹp khóa đầu trên cổ xương đùi trái / phải các cỡ, titan	- Rộng 19mm; độ rộng đầu nẹp: 25,85mm; dày 5,23mm; - Số lỗ: 5.6.7.8 lỗ - chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 5.0 mm + vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa rỗng lòng Ø 6.5mm	cái
99	Nẹp khóa bản rộng, các cỡ, titan	rộng 17.6mm; dày 5.6mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4 đến 16 lỗ; dài từ 80mm đến 296mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm và vít khóa xóp Ø5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
100	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái/phải, các cỡ, titan	rộng 16mm; dày 5.7mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4, 6, 8, 10, 12 lỗ trái, phải; dài từ 135mm đến 355mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm và vít khóa xóp Ø5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
101	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái/phải, các loại, các cỡ, titan	rộng 15mm; dày 5.15mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4, 6, 8, 10, 12, 13 lỗ trái, phải; dài từ 123mm đến 319mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm và vít khóa xóp Ø5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng	cái
102	Nẹp khóa Titanium chữ T các cỡ lỗ	rộng 16mm; dày 3mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4 đến 10 lỗ; dài từ 88mm đến 184mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø 4.5mm và vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
103	Nẹp khóa Titanium đỡ chữ L các cỡ, trái / phải	rộng 16mm; dày 3mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4 đến 10 lỗ trái, phải; dài từ 90mm đến 186mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø 4.5mm và vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
104	Nẹp khóa bản hẹp, các cỡ, titan	rộng 13.5mm; dày 4.25mm; Số lỗ trên thân nẹp: 4 đến 12,14, 15, 16 lỗ; dài từ 78mm đến 294mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0 mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm; và vít khóa xóp Ø5.0 mm. Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
105	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái/phải, các loại, các cỡ	Dày 3,0mm Có 4/6/8/10/12/14 lỗ trái, phải Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
106	Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương chày các cỡ, titan, trái / phải	* Chất liệu Titanium Alloy * Có 5-7-9-11-13-15 lỗ trái/phải * Có 4 lỗ bắt vít ở đầu * Độ dài 108,3mm- 140,3mm- 172,3mm- 204,3mm- 236,3mm- 268,3mm * Rộng đuôi 16mm, rộng đầu 22mm, dày 2,5mm, khoảng cách lỗ 16mm * Dùng cho vít khóa 5,0mm, vít cứng 5,0mm và vít cứng 4,5mm * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	cái
107	Nẹp xương ngón bàn tay titan các loại	dày 1.0-1.3 mm; nẹp rộng 4.6-12.2mm; dài 22.6-34.6mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 1.5mm-2.0mm; Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
108	Vít xương ngón bàn tay titan các loại	đường kính ren 1.5mm; tự taro; mũ vít hình sao; chiều dài vít từ 6mm đến 16mm với bước tăng 1mm; từ 16mm đến 24mm với bước tăng 2mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
109	Nẹp xương ngón bàn chân titan các loại	dày 1.0-1.3 mm; nẹp rộng 4.6-16.6mm; dài 24.6-36.6mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 1.5mm-2.0mm; Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
110	Vít xương ngón bàn chân titan các loại	đường kính ren 2.0mm; tự taro; mũ vít hình sao; chiều dài vít từ 8mm đến 34mm với bước tăng 2mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
111	Vít xương thuyền rồng nòng	- Chất liệu titanium - Đường kính 2.4mm ứng với chiều dài từ 18 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đường kính 3.0mm ứng với chiều dài từ 16 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE	cái
112	Vít khóa Titanium đk 2.4 mm các cỡ	đường kính ren 2.4mm; tự taro; mũ vít hình sao; chiều dài vít từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
113	Vít khóa Titanium đk 2.7 mm các cỡ	đường kính ren 2.7mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 10mm đến 40mm với bước tăng 2mm; từ 40mm đến 60mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
114	Vít khóa Titanium đk 3.5mm, các cỡ	đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
115	Vít khóa Titanium đk 5.0mm, các cỡ	đường kính ren 5.0mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 110mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
116	Vít khóa xoắn Titanium đk 3.5 mm các cỡ	đường kính ren 3.5mm; mũ vít hình sao, dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 70mm với bước tăng 5mm; ren toàn phần; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
117	Vít khóa xoắn Titanium đk 5.0 mm các cỡ	đường kính ren 5.0mm; mũ vít hình sao; dài từ 30mm đến 120mm với bước tăng 5mm; ren toàn phần; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe); Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
118	Vít khóa rỗng nhôm titanium đk 6.5mm	Cấu hình: - Mũ vít hình lục giác - đường kính ren 6,5mm; dài từ 75mm đến 120mm - chất liệu Titan, Ti6Al4V - Đạt tiêu chuẩn ISO; CE.	cái
119	Vít cứng titan đk 3.5mm, các cỡ	đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái
120	Vít cứng titan đk 4.5mm, các cỡ	đường kính ren 4.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 14mm đến 60mm với bước tăng 2mm; từ 60mm đến 110mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Đạt chất lượng ISO 13485, EC. Hỗ trợ dụng cụ đạt chứng nhận đảm bảo chất lượng của EU theo quy định (EU)2017/745 cùng hãng.	cái

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	Thông số, tính năng kỹ thuật	ĐVT
121	Dây truyền đếm giọt	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh lưu lượng chính xác, được làm từ nhựa PVC y tế cao cấp không chứa DEHP, thay bằng DEHT - Dây dài 1.8m, thiết kế bầu nhỏ giọt 2 ngăn cứng - mềm gắn liền kim xuyên nút, Thể tích bầu nhỏ giọt: ≥ 15 ml. - Có màng lọc dịch Hydrophilic Polyethersulfone (Màng ưa nước PES) 8 μm có chức năng đuổi khí và ngắt dịch tự động và không cần đuổi khí cho lần truyền dịch tiếp theo. - Chịu được áp lực: 3 bar - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn, đầu luer lock, có khóa khẩn cấp chữ C (kẹp chặn). - Bộ điều chỉnh lưu lượng chính xác (bộ đếm giọt chính xác), có thể chỉnh tốc độ từ 0 - 300ml/giờ. Con lăn điều chỉnh 2 mức độ nhớt của dịch.	
122	Đai vai	Làm vải lưới, mềm có lỗ thoáng khí, Khóa Velcro	cái
123	Gạc cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi. Chiều dài: 8cm; Độ dày: 1,5cm; Chiều cao: 2cm. Có dây. Khả năng thấm hút cao lên tới 21 lần trọng lượng của nó trong chất lỏng	cái
124	Nẹp chấn thương cẳng tay H5	Sản xuất từ chất liệu vải đặc biệt, vải chịu lực tốt và có lỗ thoáng khí, các thanh nẹp bằng hợp kim nhôm cùng với hệ thống khóa Velcro, các cỡ: S, M, L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	cái
	Cộng: 124 khoản		

